

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77/2023/HS-ST

Ngày: 30 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đính

Ông Nguyễn Văn Khoản

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Thanh Phương – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Chiêu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2023/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST- HS ngày 24/5/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 14/2023/QĐHPT-HS ngày 13/6/2023 đối với bị cáo:

NGUYỄN SƠN L, sinh năm 1988 tại Bình Phước; HKTT: Tổ 1, ấp 1A, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Tổ 5, khu phố 1, phường M1, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1966 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1970; Vợ Hồ Thị Đặng Hồng T; Con có 01 người sinh năm 2010; Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2023 đến ngày 29/4/2023 được tại ngoại và bị áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 29/4/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Thị Phương L1, sinh năm 2003; HKTT: Ấp T4, xã T5, huyện B, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Tổ 6, khu phố 2, phường H2, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

+ Đinh Văn T1, sinh năm 1991; HKTT: T6, xã T7, huyện T8, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Tổ 2, khu phố 4, phường M1, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

+ Nguyễn Thành T2, sinh năm 1989; HKTT: Ấp C1, xã T7, huyện T8, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Khu phố 2, phường M1, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

+ Nguyễn Văn R, sinh năm 1994; HKTT: Ấp C1, xã T7, huyện T8, tỉnh Tây Ninh;
Chỗ ở: Khu phố 4, phường M2, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

+ Nguyễn Văn T3, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 1, khu phố B, phường A, thị xã B1,
tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

+ Lê Văn L1, sinh năm 1990; HKTT: Tổ 10, ấp 2, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Khu phố 3, phường M2, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

+ Nguyễn Thị N, sinh năm 1995; HKTT: Ấp C1, xã T7, huyện T8, tỉnh Tây Ninh;
Chỗ ở: Khu phố 2, phường M2, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

+ Phạm Văn U, sinh năm 1990; HKTT: Tổ 1, ấp Con Trăn, xã Tân Hoà, huyện Tân
Châu, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Khu phố 4, phường M2, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

+ Nguyễn Văn G, sinh năm 1997; HKTT: Ấp C1, xã T7, huyện T8, tỉnh Tây Ninh;
Chỗ ở: Khu phố 2, phường M1, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 01/2021, Nguyễn Sơn L bắt đầu thực hiện hoạt động cho vay tiền với mức lãi suất cao nhằm mục đích thu lợi. Với nguồn vốn ban đầu là 150.000.000 đồng do L để dành trong quá trình làm thuê. L cho những người có nhu cầu vay tiền trên địa bàn thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước vay với hình thức trả tiền lãi hàng tháng. L cho vay với các gói vay: 5.000.000 đồng, 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng,... với mức lãi suất từ 10%/tháng đến 15%/tháng. Những người vay tiền của L hầu hết là công nhân trong các khu công nghiệp.

Về phương thức cho vay và thu tiền: Người vay khi có nhu cầu vay tiền sẽ trực tiếp gặp hoặc liên lạc qua điện thoại di động cho L theo số điện thoại 0949984151. Khi vay tiền, L sẽ đưa tiền trực tiếp hoặc chuyển khoản cho người vay, số tiền vay tùy thuộc vào nhu cầu của người vay, từ khoảng 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/01 lần vay. Lãi suất cho vay 10%/tháng đến 15%/tháng, tương đương 120%/năm đến 180%/năm. Quá trình cho vay tiền, L không làm hợp đồng cho vay tiền. Do các công ty trả lương cho công nhân qua tài khoản ngân hàng, vì vậy, để đảm bảo việc thu tiền lãi của người vay, khi vay tiền, L đề nghị người vay thế chấp lại CMND, CCCD,... đồng thời đưa thẻ tài khoản ngân hàng cho L và cung cấp mật khẩu thẻ ngân hàng. Vào ngày 10 đến 15 hàng tháng, khi công ty chuyển trả lương vào tài khoản ngân hàng của công nhân, L trực tiếp mang theo thẻ ngân hàng của người vay đến các trụ ATM để rút tiền. Sau khi trừ đi khoản tiền người vay phải đóng lãi hàng tháng hoặc một phần tiền gốc người vay muốn trả, số tiền còn lại L sẽ đưa lại cho người vay. Sau khi người vay trả hết tiền gốc và không có nhu cầu vay lại, L sẽ trả lại thẻ ngân hàng và các loại giấy tờ (nếu giữ) cho người vay. Ngoài ra người vay trả tiền lãi cho L thông qua hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 050095436096 mở tại ngân hàng Sacombank do L là người đứng tên chủ tài khoản.

Căn cứ đơn tố giác tội phạm của công dân, ngày 27/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Chơn Thành Tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp và ra Lệnh bắt người

bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Sơn L. Qua khám xét khẩn cấp nơi ở của L tại tổ 5, khu phố 1, phường M1, thị xã C, tỉnh Bình Phước, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Chơn Thành phát hiện và thu giữ nhiều hợp đồng vay tiền, căn cước công dân, chứng minh nhân dân, thẻ ATM,... L đang giữ của người vay.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an thị xã Chơn Thành đã Tiến hành xác minh, làm rõ 08 người vay tiền của Nguyễn Sơn L trên địa bàn thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Phương L1, sinh năm 2003, nơi ở hiện tại: Tổ 6, khu phố 2, phường H2, thị xã C, tỉnh Bình Phước: Do cần tiền để tiêu dùng cá nhân, từ tháng 01/2021 đến ngày 27/02/2023, bà L1 đã vay tiền của Nguyễn Sơn L với hình thức trả tiền lãi theo tháng, cụ thể: Khoảng tháng 01/2021, bà L1 vay 20.000.000 đồng, trả lãi 2.000.000 đồng/tháng, lãi suất 10%/tháng. Bà L1 đã đóng cho L 07 tháng tiền lãi với tổng số tiền 14.000.000 đồng. Sau đó, bà L1 không tiếp tục đóng lãi cho L. Đến ngày 20/11/2021, bà L1 gặp L để xin tiếp tục đóng lãi. Sau cộng cả lãi và gốc thì L cho biết L1 còn nợ số tiền 35.000.000 đồng. Trong đó 20.000.000 đồng tiền gốc, mỗi tháng bà L1 phải đóng 2.000.000 đồng tiền lãi, còn 15.000.000 đồng là tiền lãi phát sinh trong thời gian L1 không đóng tiền, L yêu cầu L1 phải góp 2.500.000 đồng/tuần. Hiện bà L1 đã góp xong số tiền 15.000.000 đồng. Đối với số tiền 20.000.000 đồng, bà L1 đã đóng cho L 9 tháng với tổng số tiền 18.000.000 đồng. Tháng 8/2022 do bà L1 sinh con nên L không thu tiền lãi. Đến tháng 11/2022, L tiếp tục thu tiền lãi của bà L1 nhưng yêu cầu là 3.000.000 đồng/tháng, lãi suất 15%/tháng. Bà L1 đã đóng cho L 02 tháng tiền lãi với tổng số tiền 6.000.000 đồng. Ngày 27/02/2022, L1 mượn thêm 5.000.000 đồng nhưng L không lấy tiền lãi. Số tiền thu lợi bất chính L đã thu được khi cho bà L1 vay tiền là 45.666.667 đồng. Hiện bà L1 còn nợ L số tiền gốc 25.000.000 đồng.

2. Ông Đinh Văn T1, sinh năm 1991, nơi ở hiện tại: Tổ 2, khu phố 4, phường M1, thị xã C, tỉnh Bình Phước: Do cần tiền để tiêu dùng cá nhân, từ tháng 9/2021 đến ngày 27/02/2023, ông T1 đã vay tiền của Nguyễn Sơn L với hình thức trả tiền lãi theo tháng, cụ thể: Khoảng tháng 09/2021, ông T1 vay 20.000.000 đồng, trả lãi 3.000.000 đồng/tháng, lãi suất 15%/tháng. Ông T1 đã đóng cho L 16 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 48.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính L đã thu được khi cho ông T1 vay tiền là 42.666.667 đồng. Ông T1 còn nợ L số tiền gốc 20.000.000 đồng.

3. Ông Nguyễn Thành T2, sinh năm 1989, nơi ở hiện tại: Tổ 4, khu phố 2, phường M1, thị xã C, tỉnh Bình Phước: Do cần tiền để tiêu dùng cá nhân, từ tháng 12/2021 đến ngày 27/02/2023, ông T2 đã vay tiền của Nguyễn Sơn L với hình thức trả tiền lãi theo tháng, cụ thể: Khoảng tháng 12/2021, ông T2 vay 5.000.000 đồng, trả lãi 750.000 đồng/tháng, lãi suất 15%/tháng. Ông T2 đã đóng cho L 8 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 6.000.000 đồng. Đến tháng 8/2022, ông T2 vay thêm 13.000.000 đồng. Tổng cộng ông T2 vay 18.000.000 đồng, trả lãi 1.800.000 đồng/tháng, lãi suất 10%/tháng. Ông T2 đã đóng cho L 6 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 10.800.000 đồng. Tháng 01/2023, ông T2 đã trả

cho L 2.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính L đã thu được khi cho ông T2 vay tiền là 14.333.333 đồng. Ông T2 còn nợ L số tiền gốc 16.000.000 đồng.

4. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1994, nơi ở hiện tại: Khu phố 4, phường M2, thị xã C, tỉnh Bình Phước: Do cần tiền để tiêu dùng cá nhân, từ tháng 5/2022 đến ngày 27/02/2023, Ông R đã vay tiền của Nguyễn Sơn L với hình thức trả tiền lãi theo tháng, cụ thể: Khoảng tháng 5/2022, Ông R vay 10.000.000 đồng, trả lãi 1.500.000 đồng/tháng, lãi suất 15%/tháng. Ông R đã đóng cho L 6 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 9.000.000 đồng. Đến tháng 11/2022, Ông R trả cho L 5.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại 5.000.000 đồng, trả lãi 750.000 đồng/tháng, lãi suất 15%/tháng. Ông R đã đóng cho L 3 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 2.250.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính L đã thu được khi cho Ông R vay tiền là 10.000.000 đồng. Ông R còn nợ L số tiền gốc 5.000.000 đồng.

5. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1994, nơi ở hiện tại: Tổ 1, khu phố B1, phường A, thị xã B2, tỉnh Bình Phước: Do cần tiền để tiêu dùng cá nhân, từ tháng 11/2021 đến ngày 27/02/2023, ông Trọng đã vay tiền của Nguyễn Sơn L với hình thức trả tiền lãi theo tháng, cụ thể: Khoảng tháng 11/2021, ông Trọng vay 5.000.000 đồng, trả lãi 750.000 đồng/tháng, lãi suất 15%/tháng. Ông Trọng đã đóng cho L 6 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 4.500.000 đồng. Đến tháng 5/2022, ông Trọng vay thêm 20.000.000 đồng. Tổng cộng ông Trọng vay 25.000.000 đồng, trả lãi 3.750.000 đồng/tháng, lãi suất 15%/tháng. Ông Trọng đã đóng cho L 4 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính L đã thu được khi cho ông Trọng vay tiền là 17.333.333 đồng. Ông Trọng còn nợ L số tiền gốc 25.000.000 đồng.

6. Ông Lê Văn L1, sinh năm 1990, nơi ở hiện tại: Khu phố 3, phường M2, thị xã C, tỉnh Bình Phước: Do cần tiền để tiêu dùng cá nhân, từ tháng 6/2022 đến ngày 27/02/2023, ông L1 đã vay tiền của Nguyễn Sơn L với hình thức trả tiền lãi theo tháng, cụ thể: Khoảng tháng 6/2022, ông L1 vay 5.000.000 đồng, trả lãi 750.000 đồng/tháng, lãi suất 15%/tháng. Ông L1 đã đóng cho L 7 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 5.250.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính L đã thu được khi cho ông L1 vay tiền là 4.666.667 đồng. Ông L1 còn nợ L số tiền gốc 5.000.000 đồng.

7. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1995, nơi ở hiện tại: Khu phố 3, phường M2, thị xã C, tỉnh Bình Phước: Do cần tiền để tiêu dùng cá nhân, từ tháng 9/2021 đến ngày 27/02/2023, bà N đã vay tiền của Nguyễn Sơn L với hình thức trả tiền lãi theo tháng, cụ thể: Khoảng tháng 9/2021, bà N vay 10.000.000 đồng, trả lãi 1.500.000 đồng/tháng, lãi suất 15%/tháng. Bà N đã đóng cho L 10 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Đến tháng 8/2022, bà N vay thêm 10.000.000 đồng. Tổng cộng bà N vay 20.000.000 đồng, trả lãi 3.000.000 đồng/tháng, lãi suất 15%/tháng. Bà N đã đóng cho L 1 tháng tiền lãi với số tiền là 3.000.000 đồng. Tháng 9/2022, bà N trả cho L 5.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại 15.000.000 đồng, trả lãi 2.250.000 đồng/tháng, lãi suất 15%/tháng. Bà N đã đóng cho L 1 tháng tiền lãi với số tiền là 2.250.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính L đã thu được khi cho bà N vay tiền là 18.000.000 đồng. Bà N còn nợ L số tiền gốc 15.000.000 đồng.

8. Ông Phạm Văn U, sinh năm 1990, nơi ở hiện tại: Khu phố 4, phường M2, thị xã C, tỉnh Bình Phước: Do cần tiền để tiêu dùng cá nhân, từ tháng 9/2021 đến ngày 27/02/2023, ông U đã vay tiền của Nguyễn Sơn L với hình thức trả tiền lãi theo tháng, cụ thể: Khoảng tháng 9/2021, ông U vay 10.000.000 đồng, trả lãi 1.500.000 đồng/tháng, lãi suất 15%/tháng. Ông U đã đóng cho L 6 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 9.000.000 đồng. Đến tháng 4/2022, ông U vay thêm 10.000.000 đồng. Tổng cộng ông U vay 20.000.000 đồng, trả lãi 3.000.000 đồng/tháng, lãi suất 15%/tháng. Ông U đã đóng cho L 2 tháng tiền lãi với số tiền là 6.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính L đã thu được khi cho ông U vay tiền là 13.333.333 đồng. Ông U còn nợ L số tiền gốc 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, tháng 2/2023, L cho ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1997, nơi ở hiện tại: Tổ 7, khu phố 2, phường M1, thị xã C, tỉnh Bình Phước vay số tiền 8.000.000 đồng, trả lãi 1.200.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, L chưa thu của ông G được tiền lãi do chưa đến kỳ hạn trả lãi.

Như vậy, từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 02 năm 2023, Nguyễn Sơn L đã cho 8 người trên địa bàn thị xã Chơn Thành vay tổng số tiền 146.000.000 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 166.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Nguyễn Sơn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Về vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Chơn Thành đã tạm giữ và trả lại giấy tờ tùy thân và thẻ ATM gồm: 01 (một) sổ hộ khẩu số 540234768 cho bà Nguyễn Thị N; 01 (một) chứng minh nhân dân số 290931935 cho Nguyễn Thành T2; 01 (một) chứng minh nhân dân số 285431535 cho Nguyễn Văn T3; 01 (một) căn cước nhân dân số 072097002889 và 01 (một) thẻ ATM số 9704368624161643011 cho Nguyễn Văn G; 01 (một) thẻ ATM cho Phạm Văn U; 01 (một) thẻ ATM số 9704368622159156012 cho Đinh Văn T1; 01 (một) thẻ ATM số 9704365521670701012 cho Nguyễn Văn R; 01 (một) thẻ ATM số 9704368622332382022 cho Nguyễn Thị N; 01 (một) thẻ ATM số 9704368620431024016 cho Nguyễn Văn T3; 01 (một) thẻ ATM số 9704365520425154014 cho Nguyễn Thành T2; 01 (một) thẻ ATM số 9704365520672920018 cho Lê Văn L1.

Tạm giữ 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, số imei: 355015322728261 01 (một) vở học sinh kích thước dài 20cm, rộng 15cm của Nguyễn Sơn L.

01 (một) giấy mượn tiền giữa Nguyễn Thị Phương L1 và Nguyễn Sơn L.

Bản cáo trạng số 75/Ctr-VKS ngày 17/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Sơn L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Sơn L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51;

Điều 35, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Sơn L hình phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành còn đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Sơn L thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như bản Cáo trạng đã truy tố.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền Tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Phương L1, Nguyễn Văn R, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Văn L1 và Nguyễn Văn G có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ tháng 01/2021 đến ngày 27/02/2023, lợi dụng nhu cầu vay tiền nhanh, không cần thế chấp tài sản của một số công nhân, trong đó chủ yếu sử dụng để tiêu dùng cá nhân, Nguyễn Sơn L đã thực hiện hoạt động cho vay tiền với mức lãi suất cao, thu lợi bất chính nhằm mục đích vụ lợi. Số tiền thu lợi bất chính được xác định là số tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm của khoản tiền vay theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hành vi cho 08 người trên địa bàn thị xã Chơn Thành vay tiền nhằm mục đích vụ lợi do Nguyễn Sơn L thực hiện từ tháng 01/2021 đến ngày 27/02/2023 với mức lãi suất cho vay từ 10%/tháng đến 15%/tháng, tương đương 120%/năm đến 180%/năm, gấp từ 6 lần đến 9 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định (20%/năm) với tổng số tiền cho vay là 146.000.000 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 166.000.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Khoản 2, Điều 201 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về lĩnh vực tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an của địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả; chưa có tiền án, tiền sự. Nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét thấy việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, đủ để cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét thấy bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền và bị cáo không có chức vụ, quyền hạn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng phẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”:

[6.1]. Đối với khoản tiền 146.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng) bị cáo dùng để cho vay được xác định là phương tiện phạm tội nên bị tịch thu sung vào quỹ ngân sách Nhà nước.

[6.2]. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên bị truy thu để sung quỹ ngân sách Nhà nước, cụ thể truy thu của bị cáo tổng số tiền: 23.050.000 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

[6.3]. Khoản tiền thu lợi bất chính (là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm) mà bị cáo thu từ những người vay đã xác định ở trên, thì cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay.

[6.4]. Đối với khoản tiền gốc mà các những người vay tiền còn nợ bị cáo đã xác định ở trên, cần buộc người vay trả lại cho bị cáo.

Khấu trừ khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo phải trả cho người vay, và khoản tiền người vay phải trả lại cho bị cáo, thì số tiền còn lại, thuộc nghĩa vụ phải nộp ngân sách và bị cáo phải hoàn trả cho người vay được T2 cụ thể như sau:

Bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 146.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng) (mục 6.1) và số tiền: 23.050.000 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) (mục 6.2); được khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả.

Nguyễn Thành T2 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền: 1.667.000 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Nguyễn Văn T3 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.667.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Lê Văn L1 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 334.000 đồng (Ba trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Phạm Văn U phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 6.667.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Nguyễn Văn G phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Bị cáo phải hoàn trả lại cho người vay, gồm:

Bị cáo phải trả cho Nguyễn Thị Phương L1 số tiền 20.666.000 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng);

Bị cáo phải trả cho Đinh Văn T1 số tiền 22.666.000 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng);

Bị cáo phải trả cho Nguyễn Thị N: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng);

Bị cáo phải trả cho Nguyễn Văn R: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

[6.5]. Về vật chứng:

Đối với 01 (một) sổ hộ khẩu số 540234768 cho bà Nguyễn Thị N; 01 (một) chứng minh nhân dân số 290931935 cho Nguyễn Thành T2; 01 (một) chứng minh nhân dân số 285431535 cho Nguyễn Văn T3; 01 (một) căn cước nhân dân số 072097002889 và 01 (một) thẻ ATM số 9704368624161643011 cho Nguyễn Văn G; 01 (một) thẻ ATM cho Phạm Văn U; 01 (một) thẻ ATM số 9704368622159156012 cho Đinh Văn T1; 01 (một) thẻ ATM số 9704365521670701012 cho Nguyễn Văn R; 01 (một) thẻ ATM số 9704368622332382022 cho Nguyễn Thị N; 01 (một) thẻ ATM số 9704368620431024016 cho Nguyễn Văn T3; 01 (một) thẻ ATM số 9704365520425154014 cho Nguyễn Thành T2; 01 (một) thẻ ATM số 9704365520672920018 cho Lê Văn L1 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, số imei: 355015322728261 của Nguyễn Sơn L sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

Đối với 01 (một) vở học sinh kích thước dài 20cm, rộng 15cm của Nguyễn Sơn L và 01 (một) giấy mượn tiền giữa Nguyễn Thị Phương L1 và Nguyễn Sơn L liên quan đến vụ án nên lưu giữ theo hồ sơ.

[7]. Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Sơn L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Sơn L 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

3. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng phẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Sơn L nộp sung quỹ nhà nước số tiền 169.050.000đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) bao gồm tiền cho vay là 146.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng) và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 23.050.000 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) bị cáo đã nộp tại biên lai số 0004879 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Bị cáo còn phải nộp: 129.050.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)

3.2. Buộc bị cáo phải trả lại cho người vay khoản tiền thu lợi bất chính số tiền 166.000.000đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng) là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm) mà bị cáo thu từ những người vay gồm: Nguyễn Thị Phương L1 số tiền 45.666.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng); Đinh Văn T1 số tiền 42.666.000đồng (Bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng); Nguyễn Thành T2 số tiền 14.333.000đồng (Mười bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng); Nguyễn Văn R số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng); Nguyễn Văn T3 số tiền 17.333.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng); Lê Văn L1 số tiền 4.666.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng); Nguyễn Thị N số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) và Phạm Văn U số tiền 13.333.000 đồng (Mười ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)..

3.3 Buộc người vay trả lại cho bị cáo khoản tiền gốc là 139.000.000đồng (Một trăm ba mươi chín triệu đồng) mà các những người vay tiền còn nợ bị cáo, gồm: Nguyễn Thị Phương L1 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); Đinh Văn T1 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); Nguyễn Thành T2 số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng); Nguyễn Văn R số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); Nguyễn Văn T3 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); Lê Văn L1 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); Nguyễn Thị N số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và Phạm Văn U số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) và Nguyễn Văn G số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Khấu trừ khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo phải trả cho người vay (mục 3.2), và khoản tiền người vay phải trả lại cho bị cáo (mục 3.3), thì số tiền còn lại, thuộc nghĩa vụ phải nộp ngân sách và bị cáo phải hoàn trả cho người vay được T2 cụ thể như sau:

Nguyễn Thành T2 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền: 1.667.000 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Nguyễn Văn T3 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.667.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Lê Văn L1 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 334.000 đồng (Ba trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Phạm Văn U phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 6.667.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Nguyễn Văn G phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Bị cáo phải hoàn trả lại cho người vay, gồm: phải trả cho Nguyễn Thị Phương L1 số tiền 20.666.000 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng); phải trả cho Đinh Văn T1 số tiền 22.666.000 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng); phải trả cho Nguyễn Thị N số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); phải trả cho Nguyễn Văn R số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

3.4. Tịch thu suy quỹ ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, số imei: 355015322728261 của Nguyễn Sơn L.

Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 (một) vở học sinh kích thước dài 20cm, rộng 15cm của Nguyễn Sơn L và 01 (một) giấy mượn tiền giữa Nguyễn Thị Phương L1 và Nguyễn Sơn L.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Sơn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- CA thị xã Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Loan

Filename: Document2
Directory:
Template: /Users/phuong/Library/Group Containers/UBF8T346G9.Office/User
Content.localized/Templates.localized/Normal.dotm
Title:
Subject:
Author: Phuong Thanh
Keywords:
Comments:
Creation Date: 9/17/23 3:42:00 PM
Change Number: 1
Last Saved On: 9/17/23 3:57:00 PM
Last Saved By: Phuong Thanh
Total Editing Time: 15 Minutes
Last Printed On: 9/17/23 3:57:00 PM
As of Last Complete Printing
Number of Pages: 10
Number of Words: 5,873
Number of Characters: 22,038 (approx.)